

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**VỤ THỊ TRƯỜNG CHÂU ÂU - CHÂU MỸ**



**THÔNG TIN XUẤT KHẨU VÀO THỊ TRƯỜNG EU**  
**NGÀNH HÀNG CAO SU VÀ SẢN PHẨM CAO SU**



**NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG**

# I. HIỆN TRẠNG NGÀNH HÀNG

## 1. Năng lực cung ứng của Việt Nam



**Trong những năm qua, ngành cao su Việt Nam đã có những bước phát triển cả về năng suất, diện tích và sản lượng**

Việt Nam có điều kiện thiên nhiên thuận lợi về khí hậu, đất đai, phù hợp cho phát triển ngành cao su tự nhiên và từ lâu trong nước đã hình thành các vùng trồng cao su tập trung quy mô lớn như: Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Duyên Hải Nam Trung Bộ...



**Việt Nam là nước đứng thứ 3 về sản xuất cao su trên thế giới, chiếm khoảng 7,7% tổng sản lượng toàn cầu và khoảng 5,6% tổng diện tích trồng cao su trên thế giới**

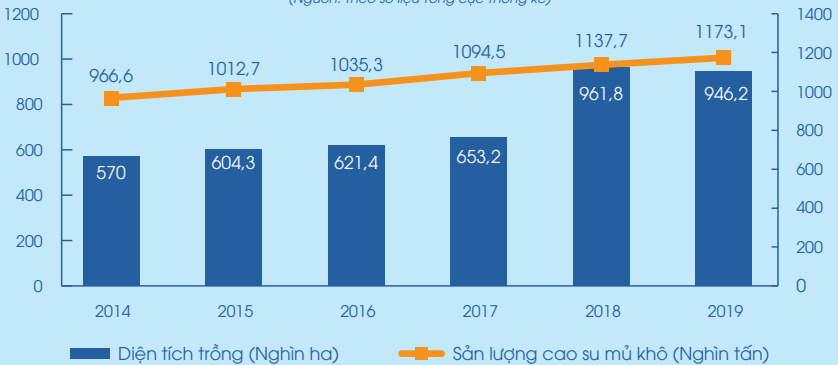


**Cao su tự nhiên: Sau khi liên tục tăng, diện tích trồng cao su đã chững lại nhưng sản lượng vẫn tiếp tục tăng nhờ cải thiện năng suất**



### DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CAO SU TỰ NHIÊN CỦA VIỆT NAM

(Nguồn: Theo số liệu Tổng cục Thống kê)

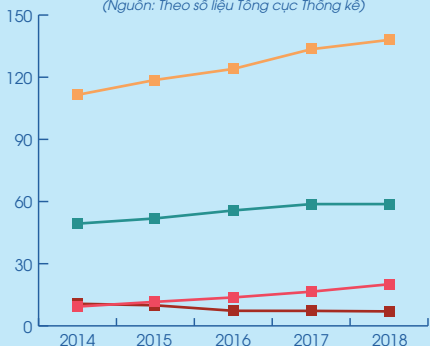


**Các sản phẩm cao su được sản xuất tại Việt Nam khá đa dạng**

Việt Nam có điều kiện thiên nhiên thuận lợi về khí hậu, đất đai, phù hợp cho phát triển ngành cao su tự nhiên và từ lâu trong nước đã hình thành các vùng trồng cao su tập trung quy mô lớn như: Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Duyên Hải Nam Trung Bộ...

## SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM TỪ CAO SU (ĐVT: TRIỆU CÁI)

(Nguồn: Theo số liệu Tổng cục Thống kê)



- Săm dùng cho ô tô, máy bay
- Lốp ô tô, máy kéo loại bơm hơi
- Lốp xe máy, xe đạp loại bơm hơi
- Săm dùng cho xe đạp, xe máy

## 2. Tình hình xuất khẩu của Việt Nam



**Xuất khẩu cao su của Việt Nam có tốc độ phát triển nhanh chóng. Tới năm 2019, ngành cao su Việt Nam đã vươn lên vị trí thứ 4 về xuất khẩu trên thị trường cao su thiên nhiên thế giới**

Việt Nam xuất khẩu cao su vào hơn 60 thị trường trên thế giới. Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong năm 2019, chiếm thị phần lần lượt là 66,5%, 8,3% và 3%.

Theo Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản, năm 2019 sản lượng xuất khẩu tăng hơn so với năm 2018, sản lượng đạt 1,68 triệu tấn, tương ứng 2,26 tỉ USD, tăng 7,7% về khối lượng và tăng 8,0% về giá trị so với năm 2018, giá xuất khẩu bình quân 1.343 USD/tấn.



**Tính đến năm 2019, Việt Nam đứng thứ 13 thế giới về cung cấp cao su, sản phẩm từ cao su (HS: 40) cho thị trường EU**

Trong giai đoạn từ năm 2015 đến nay, nhìn chung kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này sang EU liên tục tăng, với tốc độ tăng trưởng 180,6% (năm 2015 – 2019), đến năm 2019 đạt 434,96 triệu USD.



**EU hiện chiếm tới 39% tổng giá trị xuất khẩu săm các loại của Việt Nam ra thế giới. Thị trường này cũng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong xuất khẩu các nhóm hàng mã HS 4015 và 4012**

### BẢNG: KIM NGẠCH XUẤT KHẨU CÁC CHỦNG LOẠI CAO SU, SẢN PHẨM TỪ CAO SU (MÃ HS: 40) CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU NĂM 2019

(Nguồn: Theo số liệu ITC)

Mã HS	Tên hàng	Xuất khẩu của Việt Nam ra thế giới (nghìn USD)	Xuất khẩu sang thị trường EU -27 (nghìn USD)	Tỷ trọng của EU trong tổng KNXX (%)
'4013	Săm các loại bằng cao su	74.803	29.253	39,1
'4015	Sản phẩm may mặc và đồ phụ trợ may mặc (kể cả găng tay, găng hở ngón và găng bao tay), dùng cho mọi mục đích, bằng cao su lưu hóa, trừ cao su cứng	176.069	53.729	30,5

Mã HS	Tên hàng	Xuất khẩu của Việt Nam ra thế giới (nghìn USD)	Xuất khẩu sang thị trường EU -27 (nghìn USD)	Tỷ trọng của EU trong tổng KNXX (%)
'4012	Lốp đã qua sử dụng hoặc lốp đắp lại, loại dùng hơi bơm, bằng cao su; lốp đặc hoặc nửa đặc, hoa lốp và lót vành, bằng cao su	49.526	11.265	22,7
'4006	Các dạng khác (ví dụ thanh, ống và dạng hình) và các sản phẩm khác (ví dụ đĩa, vòng) bằng cao su chưa lưu hóa	1.179	157	13,3
'4011	Lốp mới, loại dùng hơi bơm, bằng cao su	1.168.965	155.265	13,3
'4001	Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa kết, nhựa cây cóc cao su, nhựa cây họ saccolasea và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, lá hoặc dải	1.046.308	134.013	12,8
'4016	Các sản phẩm khác bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng	400.011	46.762	11,7
'4014	Sản phẩm vệ sinh hoặc y tế (kể cả nút vú cao su), bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng, có hoặc không kèm theo các phụ kiện lắp ráp bằng cao su cứng	6.788	673	9,9
'4017	Cao su cứng (ví dụ ebonit) ở các dạng, kể cả phế liệu và phế thải; các sản phẩm bằng cao su cứng	1.616	94	5,8
'4009	Các loại ống, ống dẫn và ống vòi bằng cao su lưu hóa, trừ cao su cứng, có hoặc không kèm theo các phụ kiện để ghép nối (ví dụ các đoạn nối, khớp, khuỷu, vành đệm)	33.563	1.174	3,5
'4010	Băng tải hoặc đai tải băng truyền (dây cu roa) hoặc đai truyền bằng cao su lưu hóa	25.854	656	2,5
'4004	Phế liệu, phế thải và mảnh vụn từ cao su (trừ cao su cứng) và bột, hạt thu được từ chúng	345	8	2,3
'4005	Cao su hỗn hợp, chưa lưu hóa, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, lá hoặc dải	21.261	294	1,4
'4003	Cao su tái sinh, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, lá hoặc dải	3.663	33	0,9
'4008	Tấm, lá, dải, thanh và dạng hình, bằng cao su lưu hoá trừ cao su cứng	14.633	120	0,8
'4007	Chỉ và dây bện bằng cao su lưu hóa	6.249	34	0,5
'4002	Cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, lá hoặc dải; hỗn hợp của một sản phẩm bất kỳ của nhóm 40.01 với một sản phẩm bất kỳ của nhóm này, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, lá hoặc dải	1.175.007	626	0,1


## II. THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG EU

### 1. Nhu cầu nhập khẩu và các nguồn cung ứng chính

 EU hiện chủ yếu nhập khẩu cao su và sản phẩm cao su nội khối từ năm 2015 đến nay vẫn duy trì trong khoảng 68-69%

 Trong các nguồn cung ứng ngoại khối, Trung Quốc hiện đứng đầu với thị phần 6%, tiếp theo là Hoa Kỳ và Thổ Nhĩ Kỳ

 Trong số các nước ASEAN, Thái Lan hiện đang có thị phần lớn nhất về cao su tại EU (2,6%), theo sát sau là Malaysia (2,5%)

 Thị phần của Việt Nam trong nhập khẩu cao su và sản phẩm cao su của EU đã tăng từ 0,4% vào năm 2015 lên 0,7% vào năm 2019, cho thấy sự cải thiện đáng kể về năng lực cạnh tranh. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn chỉ đứng thứ 4 trong số các nước ASEAN về thị phần cao su và sản phẩm cao su tại EU



**BẢNG: NHẬP KHẨU CAO SU, SẢN PHẨM TỪ CAO SU (HS: 40) CỦA EU-27 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM TRONG TƯƠNG QUAN SO SÁNH VỚI CÁC ĐỐI THỦ CẠNH TRANH**

(Nguồn: Theo số liệu ITC)

Nhập khẩu của EU từ thế giới	Năm 2015 (đvt: nghìn USD)	Năm 2019 (đvt: nghìn USD)	Thị phần năm 2015 (%)	Thị phần năm 2019 (%)
<b>Tổng kim ngạch</b>	<b>56.476.603</b>	<b>63.124.854</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
<b>Nội khối EU-27</b>	<b>38.985.812</b>	<b>43.252.647</b>	<b>69,0</b>	<b>68,5</b>
<b>Ngoại khối</b>	<b>17.490.791</b>	<b>19.872.207</b>	<b>31,0</b>	<b>31,5</b>
Trung Quốc	3.217.399	3.778.779	5,7	6,0
Hoa Kỳ	1.875.134	1.970.698	3,3	3,1
Thổ Nhĩ Kỳ	1.391.381	1.793.284	2,5	2,8
Thái Lan	1.305.859	1.656.219	2,3	2,6
Malaysia	1.344.433	1.550.810	2,4	2,5
Anh	2.705.947	1.716.793	4,8	2,7
Nhật Bản	1.437.484	1.482.206	2,5	2,3
Hàn Quốc	1.065.546	1.388.321	1,9	2,2
Nga	1.183.385	1.426.793	2,1	2,3
Indonesia	1.018.433	976.455	1,8	1,5
Ấn Độ	625.415	871.255	1,1	1,4
Serbia	348.061	496.545	0,6	0,8

Nhập khẩu của EU từ thế giới	Năm 2015 (đvt: nghìn USD)	Năm 2019 (đvt: nghìn USD)	Thị phần năm 2015 (%)	Thị phần năm 2019 (%)
<b>Việt Nam</b>	<b>240.836</b>	<b>434.962</b>	<b>0,4</b>	<b>0,7</b>
Bờ Biển Ngà	341.500	404.287	0,6	0,6
Đài Loan	263.659	358.821	0,5	0,6
Xrì Lanca	282.598	326.526	0,5	0,5
Thụy Sỹ	251.879	264.795	0,4	0,4
Singapore	123.976	161.383	0,2	0,3
Mêhicô	113.705	127.838	0,2	0,2
Braxin	140.531	131.390	0,2	0,2
Các nước châu Âu khác	102.021	115.675	0,2	0,2
Nam Phi	66.726	102.975	0,1	0,2

## 2. Thị hiếu, xu hướng tiêu thụ

Với ngành công nghiệp – sản xuất – tiêu dùng phát triển mạnh mẽ (sản xuất máy bay, ô tô, xe máy, thiết bị, máy móc cho ngành chế tạo, y tế, hàng tiêu dùng...), nhu cầu tiêu thụ của EU đối với cao su và các sản phẩm từ cao su rất lớn, đặc biệt là các chủng loại cao su cao cấp (SVR CV) và chủng loại SVR 10, SVR 20.

Trên thị trường thế giới, nhu cầu tiêu dùng cao su hiện đang ở mức thấp do đại dịch Covid-19 khiến ngành sản xuất ô tô gặp nhiều khó khăn. Nhiều nhà máy tại châu Mỹ, châu Âu và một số nhà máy sản xuất lốp xe tại châu Á Thái Bình Dương vẫn đóng cửa. Sản xuất xe hơi suy giảm dẫn đến sự đình trệ của sản xuất lốp xe, cùng với giá dầu trong xu thế giảm cũng gián tiếp ảnh hưởng đến nhu cầu về cao su của thế giới.



## III. LỢI THẾ TỪ HIỆP ĐỊNH EVFTA

### 1. Thuế quan

Cao su tổng hợp và các chất dẫn xuất sẽ không có lợi thế mới vì thuế suất đã đang là 0%. Tuy nhiên, các loại ống ghép nối bằng cao su và lốp cao su sẽ được miễn thuế ngay lập tức từ 3% - 4,5%. Băng tải, băng truyền, hoặc đai tải bằng cao su sẽ được giảm theo kỳ hạn 5 năm từ 6,5%.

### 2. Đầu tư

Tính đến cuối năm 2019, vốn FDI vào Việt Nam trong năm đạt 38 tỷ USD, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, tính lũy kế đến năm 2019, EU là đối tác đầu tư lớn thứ tư tại Việt Nam với trên 2.240 dự án còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký là 24,67 tỷ USD, tương đương 7,6% tổng vốn FDI vào Việt Nam.



Các nhà đầu tư EU đã có mặt tại hầu hết các ngành kinh tế quan trọng của Việt Nam, các dự án đầu tư của EU có hàm lượng và tỷ lệ chuyển giao công nghệ cao, phương pháp quản lý tiên tiến, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

EU đã đầu tư vào 18/21 ngành theo hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân, trong đó tập trung ở lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo (chiếm 36,3% tổng vốn đầu tư).



Hiệp định EVFTA tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam để hợp tác liên doanh sản xuất sản phẩm cao su khi thuế nhập khẩu các nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị vào Việt Nam, giảm dần đến mức 0%, tạo điều kiện khai thác dịch vụ tại các khu công nghiệp trên đất cao su. Theo đó, phát triển công nghiệp chế biến sản phẩm cao su để nâng cao giá trị gia tăng cũng như đa dạng hóa các sản phẩm của ngành, thúc đẩy ngành cao su tham gia sâu vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế, từ khâu cung cấp nguyên liệu đến sản xuất thành phẩm cho thị trường nội địa và xuất khẩu.

Ngoài ra, Việt Nam còn có cơ hội tiếp cận dây chuyền sản xuất tiên tiến và chuyển giao công nghệ trong ngành cao su từ các nước phát triển, đặc biệt là các chủng loại cao su cao cấp (SVR CV) và chủng loại SVR 10, SVR 20. Đây lại là những chủng loại mà thị trường EU cần song Việt Nam sản xuất được còn hạn chế và chất lượng thiếu ổn định.

## IV. QUY ĐỊNH, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ĐỂ XUẤT KHẨU VÀO EU



### Tính an toàn của sản phẩm

Chỉ thị An toàn sản phẩm chung của EU (The European Union General Product Safety Directive) áp dụng cho tất cả các sản phẩm tiêu dùng.



### Gắn dấu CE (CE Marking)

Dấu CE bắt buộc đối với nhiều sản phẩm từ nhựa và cho biết: Các nhà sản xuất sản phẩm đã đáp ứng đủ yêu cầu EU về môi trường, an toàn và sức khỏe; chứng tỏ sản phẩm tuân thủ luật pháp EU và được phép lưu hành tự do trên thị trường châu Âu.



### Hệ thống Đăng ký, đánh giá, cấp phép và hạn chế hóa chất (REACH)

Quy định EC số 1907/2006, ngày 18/12/2006 áp dụng cho tất cả các loại hóa chất, cả trong quy trình công nghiệp và sản phẩm cho người tiêu dùng.



### Ghi nhãn và đóng gói

Quy định EC số 1272/2008, ngày 16/12/2008 yêu cầu cụ thể về phân loại, ghi nhãn và đóng gói (CLP) của các chất và hỗn hợp bao gồm từ 2 thành phần trở lên.



### Phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm tích hợp

Chỉ thị số 2008/1/EC, ngày 15/01/2008 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu ngày 15/01/2008 liên quan đến phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm tích hợp.



### Kiểm soát các nguy cơ tai nạn lớn liên quan đến các chất nguy hiểm

Chỉ thị số 2003/105/EC, ngày 16/12/2003 của Nghị viện và của Hội đồng châu Âu ngày 16/12/2003 sửa đổi Chỉ thị của Hội đồng số 96/82/EC, ngày 09/12/1996 về kiểm soát các nguy cơ tai nạn lớn liên quan đến các chất nguy hiểm.



### Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Châu Âu ngày càng chú ý đến trách nhiệm của doanh nghiệp về tác động xã hội và môi trường của hoạt động kinh doanh. Các vấn đề quan trọng bao gồm việc tôn trọng quyền bản địa, quyền sở hữu đất đai, quyền hoạt động môi trường nói chung (ô nhiễm, chất thải, v.v.), tôn trọng luật lao động và điều kiện làm việc lành mạnh và an toàn của người lao động.

Nhiều công ty châu Âu có thể yêu cầu các nhà cung cấp tuân thủ quy tắc ứng xử hoặc ký các tuyên bố của nhà cung cấp để đảm bảo tuân thủ luật pháp và quy định hiện hành, tiêu chuẩn tối thiểu của ngành, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và Công ước Liên Hợp Quốc.



### Quản lý rừng bền vững

Hai chứng nhận phổ biến nhất hiện nay là: tiêu chuẩn FSC (Hội đồng Quản lý Rừng) và PEFC (Chương trình Chứng thực Rừng).

Tiêu chuẩn PEFC được phân thành hai loại chứng nhận cụ thể: PEFC-FM chứng nhận về quản lý rừng dành cho các đơn vị trồng và khai thác rừng và chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm VFCS/PEFC-CoC dành cho các đơn vị chế biến các sản phẩm từ rừng.







## Một số hệ thống quản lý chất lượng quốc tế

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 và ISO 14001 là các hệ thống quản lý phổ biến nhất tại các doanh nghiệp.

Ngoài ra, các hệ thống quản lý sau cũng được áp dụng:

- Hệ thống quản lý ISO 17025: Hệ thống quản lý phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn.
- Hệ thống quản lý ISO 13485: Hệ thống quản lý chất lượng trong ngành y tế
- Hệ thống quản lý OHSAS 18001: Hệ thống quản lý an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp.

## V. CÁC ĐỊA CHỈ THÔNG TIN HỮU ÍCH

1. Bộ phận trợ giúp thương mại EU: <https://trade.ec.europa.eu/tradehelp/>
2. Các Quy định của EU: <https://eur-lex.europa.eu/homepage.html>
3. Cơ quan Hóa chất châu Âu (ECHA) và Hệ thống REACH <https://echa.europa.eu/> và <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=LEGISSUM:i21282>.
4. Chỉ thị an toàn sản phẩm chung của EU : [https://ec.europa.eu/growth/single-market/european-standards/harmonised-standards/general-product-safety\\_en](https://ec.europa.eu/growth/single-market/european-standards/harmonised-standards/general-product-safety_en)
5. Các tiêu chuẩn hài hòa:  
<https://ec.europa.eu/growth/single-market/european-standards/harmonised-standards/construction-products/>
6. Gắn dấu CE: [https://ec.europa.eu/growth/single-market/ce-marking\\_en](https://ec.europa.eu/growth/single-market/ce-marking_en)
7. Thông tin về Hiệp định Thương mại tự do EVFTA: <http://evfta.moit.gov.vn/>
8. Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ - Bộ Công Thương  
Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84.24.2220.5376  
Email: [vuaumy.moit@gmail.com](mailto:vuaumy.moit@gmail.com)  
Website: [goglobal.moit.gov.vn](http://goglobal.moit.gov.vn)  
Facebook: [www.fb.com/vuthitruongchauauchaumy](http://www.fb.com/vuthitruongchauauchaumy)
9. Hiệp hội Cao su Việt Nam (VRA)  
Địa chỉ: 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 028-39322605  
E-mail: [office@vras.com.vn](mailto:office@vras.com.vn)  
Website: <http://vra.vn/>

## 10. Hệ thống Thương vụ Việt Nam tại EU

### 1. Thương vụ tại Bỉ và EU kiêm nhiệm Luxembourg

Tham tán Thương mại: Trần Ngọc Quân  
Địa chỉ: Avenue de Foestraets 16, 1180 Uccle - Brussels, Belgium  
Tel: +32 2 3118976  
Email: quanfn@moit.gov.vn, be@moit.gov.vn

### 2. Thương vụ tại Áo kiêm nhiệm Slovenia

Phụ trách Thương vụ: Trần Việt Phương  
Địa chỉ: Gregor Mendel Strasse 52, 1190 Vienna, Austria  
Tel: +43 1 3671759  
Email: at@moit.gov.vn; phuongtvi@moit.gov.vn

### 3. Thương vụ tại Ba Lan kiêm nhiệm Litva, Phần Lan, Estonia

Tham tán Thương mại: Nguyễn Thành Hải  
Địa chỉ: Ul.Łucka 20, m. 87, 00-845, Warszawa  
Tel: +48 22 1147131  
Email: pl@moit.gov.vn, haint@moit.gov.vn

### 4. Thương vụ tại Bungari kiêm nhiệm Hy Lạp, Macedonia, Albania

Phụ trách Thương vụ: Phạm Tuấn Huy  
Địa chỉ: 1, Jetvarka Str., 1113 Sofia Bulgaria  
Tel: +359 2 9632609 ext 102  
Email: bg@moit.gov.vn, huypt@moit.gov.vn

### 5. Thương vụ tại Đức

Tham tán Thương mại: Bùi Vương Anh  
Địa chỉ: Oranien str.164, 10969 Berlin, Bundesrepublik Deutschland  
Tel: +49 30 2298198; +49 30 2292374  
Email: de@moit.gov.vn; anhbv@moit.gov.vn

### 6. Thương vụ tại Hà Lan

Tham tán Thương mại: Nguyễn Hải Tinh  
Địa chỉ: 261 Laan Van Nieuw Oost – Indie 2593 BR, The Hague  
Tel: +31 70 3815594  
Email: nl@moit.gov.vn, haitinh@hotmail.com; tinhnh@moit.gov.vn

### 7. Thương vụ tại Hungary kiêm nhiệm Croatia, Bosnia-Herzegovina

Tham tán Thương mại: Phạm Văn Công  
Địa chỉ: H-1147 Budapest, Miskolci utca 89  
Tel: + 36 1 2616361  
Email: hu@moit.gov.vn, congvtc@gmail.com

### 8. Thương vụ tại Pháp kiêm nhiệm Bồ Đào Nha, Monaco, Andorra

Tham tán Thương mại: Nguyễn Quỳnh Anh  
Địa chỉ: 44 Avenue de Madrid, 92200 Neuilly sur Seine, France  
Tel: +33 1 46248577  
Email: fr@moit.gov.vn, anhngq@moit.gov.vn

### 9. Thương vụ tại Rumani kiêm nhiệm Serbia, Montenegro

Tham tán Thương mại: Hoàng Anh Dũng  
Địa chỉ: Strada General Alexandru Cernat nr.3A, Sector 1, Bucuresti – Romania.  
Tel: +40 31 1007613  
Email: ro@moit.gov.vn; dungmex@yahoo.com

### 10. Thương vụ tại CH Séc kiêm nhiệm Slovakia

Tham tán thương mại: Nguyễn Thị Hồng Thủy  
Địa chỉ: Rasinovo Nabrezi 38, 128 00 Praha 2, Czech Republic  
Tel: +420 773 635 829  
Email: cz@moit.gov.vn

### 11. Thương vụ tại Tây Ban Nha

Tham tán thương mại: Vũ Chiến Thắng  
Địa chỉ: Paseo de la Castellana, 166, Esc.2, 2º Izq, 28046 Madrid, Spain  
Tel: +34 91 3450519  
Email: espa@moit.gov.vn; thangvc@moit.gov.vn

### 12. Thương vụ tại Thụy Điển kiêm nhiệm Đan Mạch, Iceland, Na Uy, Latvia

Tham tán Thương mại: Nguyễn Thị Hoàng Thủy  
Địa chỉ: Upplandsgatan 38, 5th Floor, 11328 Stockholm, Sweden  
Tel: +46 8 322666  
Email: se@moit.gov.vn, ThuyNH@moit.gov.vn

### 13. Thương vụ tại Ý kiêm nhiệm Malta, Cyprus, San Marino

Tham tán Công sứ: Nguyễn Đức Thanh  
Địa chỉ: Via Po 22, 00198 Roma, Italia  
Tel: +39 06 841 3913  
Email: it@moit.gov.vn, thanhnguyen@moit.gov.vn

### 14. Thương vụ tại Anh kiêm nhiệm Ireland

Tham tán Công sứ: Nguyễn Cảnh Cường  
Địa chỉ: F 23, Bullingham Mansions Pitt Street  
Tel: +44 207 207 9825  
Email: uk@moit.gov.vn, cuongnc@moit.gov.vn

# NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

**Trụ sở:** Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

**Điện thoại:** 024 3 934 1562      **Fax:** 024 3 938 7164

**Website:** nhaxuatbancongthuong.com.vn

**Email:** nxbct@moit.gov.vn

## THÔNG TIN XUẤT KHẨU VÀO THỊ TRƯỜNG EU NGÀNH HÀNG CAO SU VÀ SẢN PHẨM CAO SU (HS:40)

### Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

**Nguyễn Minh Huệ**

Biên tập viên NXB: Đồng Thị Thu Thủy

### Ban Biên soạn

#### Chủ biên: Tạ Hoàng Linh

Biên soạn:

Nguyễn Thảo Hiền

Đỗ Việt Tùng

Đỗ Thị Minh Phương

Đỗ Việt Hà

Chử Hương Lan

Phan Quang Nghĩa

---

In 500 cuốn, khổ 13 x 20 cm

In tại Công ty TNHH In Đại Thành

Địa chỉ: 273 Kương Hạ, Thanh Xuân, Hà Nội

Số xác nhận ĐKXB: 4231-2020/CXBIPH/09-174/CT

Số QĐXB: 289/QĐ-NXBCT

Mã số ISBN: 978-604-311-088-3

In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV/2020

## Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ - Bộ Công Thương

**Địa chỉ:** 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**Tel:** +84.24.2220.5376

**Email:** vuaumy.moit@gmail.com

**Website:** goglobal.moit.gov.vn

**Facebook:** www.fb.com/vuthitruongchauauchaumy

ISBN: 978-604-311-088-3



9 786043 110883

ẤN PHẨM KHÔNG BÁN